

HỘI THẢO
CÁC KHU VỰC BẢO TỒN BIỂN Ở VIỆT NAM: CƠ HỘI
VÀ THÁCH THỨC

WORKSHOP
MARINE PROTECTED AREAS IN VIET NAM: OPPORTUNITIES &
CHALLENGES

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI KHU BẢO TỒN BIỂN Ở VIỆT NAM: - THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Việt Cường

Cục Khai Thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản
10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Ở Việt Nam, hiện đã có 5 khu bảo tồn biển (KBTB) đã được thành lập và đi vào hoạt động, 5 khu bảo tồn biển khác đã được quy hoạch chi tiết và đề xuất thành lập. Với kết hoạch đã được phê duyệt, đến hết 2015, mạng lưới 16 khu bảo tồn biển Việt Nam sẽ được hình thành và đi vào hoạt động. Giai đoạn tiếp theo 2016-2020 sẽ tập trung vào mở rộng mạng lưới các khu bảo tồn biển Việt Nam để đảm bảo đến hết 2020 sẽ có khoảng trên 20 khu bảo tồn biển được thành lập và đi vào hoạt động.

Về thể chế, đã có nhiều văn bản pháp lý ban hành liên quan đến thành lập và quản lý KBTB, tuy nhiên cần phải bổ sung các văn bản như:

- Thông tư hướng dẫn về quản lý khu bảo tồn biển tại Việt nam (từ TW đến địa phương); hiện đang xây dựng, dự kiến trình Bộ trưởng Ban hành vào tháng 11/2012;
- Quyết định về Khu quy chế quản lý khu bảo tồn biển cấp tỉnh; hiện đã gửi xin ý kiến và dự kiến ban hành năm 2012.
- Thông tư hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn thành lập và quản lý các phân khu chức năng (chưa triển khai);
- Xây dựng tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật cho đầu tư xây dựng một khu bảo tồn biển cấp quốc gia và 1 khu bảo tồn biển cấp tỉnh (chưa triển khai);
- Đề xuất Chính phủ bổ sung phí bảo tồn biển vào Quyết định ban hành phí và lệ phí về bảo vệ nguồn lợi thủy sản (chưa triển khai).

Các thách thức cho quản lý các KBTB bao gồm:

- Sự phối hợp giữa Bộ chủ quản và các Bộ, ban ngành tại Trung ương?
- Sự ủng hộ của địa phương trong quá trình thiết lập KBTB?
- Xung đột về phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn, bảo vệ?
- Chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho cộng đồng dân cư địa phương?
- Nguồn vốn đầu tư, xây dựng thành lập?
- Sự chồng chéo vào chưa thống nhất trong quản lý các KBTB hiện có:
 - KBTB Vịnh Nha Trang - Ủy ban nhân dân TP Nha Trang quản lý;
 - KBTB Cù Lao Chàm – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - KBTB Phú Quốc – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - KBTB Cồn Cỏ - Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
 - KBTB Cù Lao Cau - Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Về tổ chức đề nghị các KBTB nên được thống nhất cơ quan quản lý, cụ thể là:

- Tại Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Tổng cục Thủy sản)
- Tại địa phương: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân huyện đảo (Bạch Long Vĩ, Phú Quý...).

Từ khóa: *Mạng lưới bảo tồn biển, Văn bản pháp lý, Thực trạng, Thách thức.*

VALUATION OF COASTAL HABITATS AND THE USE OF COST BENEFIT ANALYSIS IN DECIDING ON OPTIONS FOR INTERVENTION

John C. Pernetta

Former Director, UNEP/GEF South China Sea Project

E-mail: jpernetta@gmail.com

The challenge facing coastal managers faced with coastal development decisions is that the only "ecosystem values" readily available are those of Costanza *et al.* (1997) based on global data, which have subsequently been challenged on both economic and scientific grounds. Deciding between the social benefits and costs of development in the absence of data regarding the economic values of the goods and services currently derived from coastal habitats is difficult. The Regional Task Force on Economic Valuation of the South China Sea Project assembled an empirical data set relating to the values of goods and services derived from coastal habitats of seven countries bordering the South China Sea. These data were standardized as production values per hectare per annum with local currencies converted to US dollars for a standard year (2005) on the basis of the consumer price index. To address the problem of the wide variation in prices within one country, the data were weighted to determine a "*Weighted Mean National Value*" that reflected *both* the prices for the same resource at each location and the "stock" of that resource at the same locations. This results in national values that reflect the totality of the national stock rather than being a simple arithmetic average of all values. The determination of weighted mean regional values was undertaken in a similar manner to the computation of weighted mean national values but using data and information concerning the total stock (or area) in each country and the weighted mean national values. These weighted regional mean values were subsequently used in a cost benefit analysis of regional actions to conserve regional coastal habitats.

The results of the regional task force are presented with particular emphasis on the mangrove habitat for which the best data set were assembled.

Key words: *Coastal Habitats; Economic Valuation; Cost-Benefit Analysis.*

MỘT SỐ GHI NHẬN VỀ SUY THOÁI RẠN SAN HÔ DO TAI BIẾN THIÊN NHIÊN Ở NAM VIỆT NAM

Võ Sĩ Tuấn

Viện Hải dương học,

Tư liệu về giám sát rạn san hô từ năm 2000 trên 10 vùng rạn và một số khảo sát gần đây ở vùng biển ven bờ Việt Nam đã cho phép ghi nhận một số sự cố suy thoái rạn san hô mà nguyên nhân là do các tai biến thiên nhiên bất thường. Đó là: nở hoa của tảo trên diện rộng ở vịnh Cà Ná vào năm 2002; bùng nổ sao biển gai ở các vịnh Nha Trang, Vạn Phong và Cam Ranh (2002 – 2004); tác động tích lũy của nhiệt độ cao và độ muối thấp trong một giai đoạn ngắn ở Côn Đảo (2005); nước lũ từ đất liền ảnh hưởng đến vùng biển Cù Lao Chàm (2007); và tẩy trắng hàng loạt san hô ở vùng biển Phú Quốc và Côn Đảo (2010). Những tác động này đã làm giảm độ phủ san hô một cách nghiêm trọng do hàng loạt san hô bị tiêu diệt. Trong một số trường hợp sự thay đổi mật độ của các sinh vật khác trên rạn đã được ghi nhận. Một số quan sát cho thấy sự phục hồi của san hô sau tai biến diễn ra khá chậm.

Từ khóa: *Suy thoái rạn, Thảm họa thiên nhiên, Nam Việt Nam*

NEGATIVE CHANGES OF CORAL REEFS DUE TO THE NATURAL CATASTROPHES RECORDED RECENTLY IN SOUTH VIET NAM

Vo Si Tuan

Institute of Oceanography,

01 Cau Da Str, Vinh Nguyen, Nha Trang City, Viet Nam

E-mail: vosituan@gmail.com

Coral reef monitoring has been implemented since the year of 2000 and provided a series of data on the trend of 10 coastal coral reef locations in South Viet Nam. Through this monitoring programme and supplementary surveys, it was recorded a number of catastrophes which caused in serious negative changes of coral reefs. They included: extensive algae bloom in Ca Na bay (2002); Crown of Thorn Starfish bloom in Nha Trang, Van Phong and Cam Ranh bay (2002 – 2004); combination of high water temperature and low salinity in short period in Con Dao islands (2005); flooding discharge from the mainland to Cu Lao Cham island (2007); and extensive coral bleaching in Phu Quoc and Con Dao islands (2010). Under impacts of these catastrophes, coral cover was reduced seriously and high rate of coral mass mortality was recorded. A number of observations indicated slow recovery following extensive impacts. Changes in the density of reef associated organisms were also recorded in some cases.

Key words: *Reef degradation, Natural catastrophes, South Viet Nam*

11 NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA KHU BẢO TỒN BIỂN VỊNH NHA TRANG, THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trương Kinh

Ban Quản lý Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang

E-mail: truongkinht@yahoo.com

Sau 11 năm xây dựng và triển khai, Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang đã đi vào hoạt động, nhiều nội dung thí điểm của Dự án thí điểm Khu bảo tồn biển Hòn Mun đã trở thành thực tế ở quy mô trên toàn vịnh Nha Trang như: Có sự tham gia rộng rãi của cộng đồng; Tạo thu nhập thay thế; Xây dựng năng lực và Giám sát và đánh giá. Ban Quản lý Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang đã được thành lập trên cơ sở Ban Quản lý Khu bảo tồn Hòn Mun thuộc Dự án thí điểm Khu bảo tồn Hòn Mun (2001-2005) do GEF tài trợ thông qua WB, Danida và có sự hỗ trợ kỹ thuật của IUCN và Bộ Thủy sản.

Sau khi Dự án thí điểm Khu bảo tồn biển Hòn Mun kết thúc, Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang vẫn tiếp tục hoạt động với nòng cốt là Ban quản lý Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Từ năm 2006 đến năm 2011, Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Hợp phần Sinh kế bền vững bên trong và xung quanh các khu bảo tồn biển do Danida tài trợ. Nhiều đóng góp quan trọng của Ban quản lý Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang vào việc gìn giữ môi trường và sử dụng hiệu quả các hoạt động phát triển tại vịnh Nha Trang trong những năm qua được ghi nhận. Hoạt động khảo sát đa dạng sinh học, khảo sát chất lượng nước, khảo sát nhận thức, khảo sát kinh tế xã hội, chương trình giáo dục môi trường biển trong nhà trường, hoạt động tạo thu nhập thay thế, tuần tra bảo vệ... được tiếp tục duy trì và có mặt đạt hiệu quả. Tuy nhiên bên cạnh đó, Ban quản lý Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn thử thách.

Ban quản lý Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang sẽ giới thiệu chi tiết về những thành công, thách thức và bài học kinh nghiệm đạt được trong 11 năm qua.

Từ khóa: *Bảo tồn biển, Vịnh Nha Trang, Thành công, Thách thức, Bài học kinh nghiệm.*

VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN BIỂN CỦA WWF-VIỆT NAM

Nguyễn Thị Diệu Thúy, Thẩm Ngọc Diệp
WWF-Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia biển lớn trong khu vực Đông Nam Á, giàu nguồn tài nguyên sinh học biển có tầm quan trọng sinh thái và kinh tế cao. Tuy nhiên, có bằng chứng ngày càng tăng của sự suy thoái đa dạng sinh học biển và ven biển do khai thác không bền vững các nguồn tài nguyên, phá hủy môi trường sống, sự xuống cấp của chất lượng môi trường biển và ven biển. Phương pháp tiếp cận của WWF không chỉ thông qua thực hành quản lý tài nguyên bền vững, mà còn thông qua vận động chính sách và tiếp cận từ thị trường, những tiếp cận đã chứng tỏ tiềm năng trong việc tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học biển và cải thiện đời sống người dân. Cho đến nay, WWF-Việt Nam đã tích cực làm việc với các bên liên quan bao gồm các đối tác cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, v.v... để i) thúc đẩy phát triển các khu vực bảo tồn biển (KBTB), ii) đẩy mạnh khai thác thủy sản bền vững, có sự tham gia của cộng đồng và áp dụng các tiêu chuẩn của chứng nhận MSC (Marine Stewardship Council), và iii) giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác thủy sản lên các loài nguy cấp trong vùng biển và ven biển của Việt Nam.

Keywords: *WWF, Bảo tồn, Stakeholders.*

WWF EFFORTS IN COASTAL AND MARINE BIODIVERSITY CONSERVATION IN VIETNAM

Nguyen Thi Dieu Thuy*, Tham Thi Ngoc Diep
WWF Viet Nam, D13 Thanglong Int. Village Cau Giay, Ha Noi, Viet Nam
*. E-mail: thuy.nguyendieu@wwfgreatermekong.org

Vietnam is a major maritime country in the Southeast Asia, rich in coastal and marine biological resources which are of high ecological and economic importance. However, there have been increasing evidences of the degradation of coastal and marine biodiversity due to unsustainable exploitation of resources, destruction of habitats, and degradation of the quality of coastal and marine environment. Its approaches and interventions have considered not only sustainable resource management practices, but also policy advocacy and market driven which have shown potential to improve both biodiversity conservation and people's livelihoods. To date, WWF-Vietnam has actively worked with various stakeholders including government partners from the central government to the local authorities levels, research institutes, private sectors, etc. in i) advancing marine protected areas (MPAs), ii) scaling up the sustainable fisheries interventions, particularly with the participation of communities and application of the MSC (Marine Stewardship Council) certification's standards, and iii) mitigating the impact of fishing activities on endangered species in the coastal and marine waters of Vietnam.

Key words: *WWF, Conservation, Stakeholders.*

COMMUNITY PARTICIPATION IN THE ESTABLISHMENT AND
MANAGEMENT OF THE CHAM ISLANDS MARINE PROTECTED AREA,
QUANG NAM PROVINCE, VIETNAM

Tran Thi Hong Thuy, Chu Manh Trinh

Cham Islands Marine Protected Area Authority

E-mail: Hongthuy.clc@hotmail.com; mtrinh.clcmpa@gmail.com

In 2003, the Cu Lao Cham Islands was officially established as the second MPA in the country together with a list of 16 proposed MPA sites issued by the Ministry of Agricultural and Rural Development. The Cham Islands MPA (Cham MPA) is inhabited by an estimated population of over 3,000 and supports around 100,000 tourist arrivals per year, thus its management is imperative. The management of the Cham MPA focuses on biodiversity conservation and community livelihood improvement. Multi-stakeholder collaboration and community-participation cut across all component activities of the MPA, including a) zoning plan development; b) establishment of regulatory mechanisms; c) community-based livelihood improvement and impact assessment; d) participatory assessments /monitoring and evaluation; e) initiation of alternative income generation activities; and f) participatory MPA management plan development.

This paper focuses on the initial findings of a research activity, which is being conducted to support and strengthen the management of the Cham MPA. The research activity particularly looked at the a) application of co-management model on environmental and natural resources protection and reasonable use; b) sustainable financing mechanism for the Cham MPA. Research data gathered included both primary information collected from experimental activities, observations, participations, questionnaires and in-depth interviews; and secondary information culled from reports, scientific articles, statistical yearbooks and previous studies. The study showed that community involvement in all levels and aspects of the management of the MPA facilitates resolution of conflict, sharing of responsibility, rights allocation and ensures sustainable use of resources, as the individuals and communities' diverse interests are taken into consideration. The benefits to the community are enough incentives to sustain public interest and involvement. The local people are not only consulted but are also involved in the planning, implementation and monitoring of activities within the Cham MPA. The co-management model also involves the government, which plays a key role in providing guidelines and direction in implementation including financial support. Technical and scientific support as well as financing is provided by NGOs, universities and research institutions.

This paper will also highlight the experiential learning derived from the implementation of various programs within the Cham MPA involving community participation. These include community-based eco-tourism management, livelihood support and improvement for people living around the MPA, patrolling and monitoring, home stay initiatives, which allow the local communities to share their homes, interact with the tourists and earn at the same time, among others.

Key words: *Cham islands, Community participation*

THÀNH TỰU VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN BIỂN VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

Lê Xuân Ái

Vườn quốc gia Côn Đảo

29 Võ Thị Sáu, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

422 Lê Hồng Phong, P.2, Thành phố Vũng Tàu

<http://condaopark.com.vn>

THÀNH TỰU BẢO TỒN BIỂN TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

Chương trình quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên rừng và biển Côn Đảo

Đã xây dựng mạng lưới các trạm quản lý, bảo vệ gồm 5 Trạm kiểm lâm ở đảo lớn trung tâm, 7 trạm kiểm lâm ở các đảo nhỏ có đa dạng sinh học cao, tạo ra một hệ thống quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên rừng và biển khép kín quần đảo Côn Đảo. Lực lượng kiểm lâm Vườn quốc gia Côn Đảo là lực lượng nòng cốt, chuyên trách bám đảo 24/24 thực thi nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân xâm phạm bất hợp pháp, xâm phạm tài nguyên trái phép trong khu bảo tồn.

Chương trình nghiên cứu khoa học

Vườn tổ chức cho cán bộ khoa học thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học cơ sở để phục vụ cho nhiệm vụ quản lý, bảo tồn. Một số chuyên đề nghiên cứu khoáng nuôi phục hồi, phát triển rừng đã được triển khai thực hiện hàng năm; công tác nghiên cứu đa dạng sinh học biển, giám sát các rạn san hô, nghiên cứu chuyên sâu bảo tồn một số loài quý hiếm ở biển như Rùa biển, Dugong, trai tai tượng... được quan tâm nghiên cứu và bảo tồn. Phối hợp tốt với các cá nhân, tổ chức khoa học bảo tồn trong và ngoài nước để nâng cao chương trình nghiên cứu khoa học; nhờ đó, giá trị đa dạng sinh học tại Côn Đảo ngày càng được phát hiện, thống kê thu hút giới khoa học trong và ngoài nước. Một trong những thành công nổi bật trong nghiên cứu bảo tồn biển tại Côn Đảo là Vườn quốc gia Côn Đảo đạt Kỷ lục quốc gia là nơi bảo tồn và thả về biển nhiều rùa biển nhất Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của giới khoa học bảo tồn thiên nhiên, đặc biệt thu hút du khách quốc tế đến với Côn Đảo. Sau các tai biến thiên nhiên: cơn bão Linda (1997), hiện tượng độ mặn nước biển giảm mạnh (2005), hiện tượng Elnino.. nhờ áp dụng các biện pháp khoa học, giám sát, quản lý tốt các hệ sinh thái rừng, san hô hiện nay phục hồi, phát triển tốt.

Chương trình hợp tác trong và ngoài nước phục vụ bảo tồn thiên nhiên

Trong bối cảnh khoa học bảo tồn biển của nước ta trong tình trạng mới mẻ, nhiệm vụ hợp tác trong nước, đặc biệt hợp tác với các tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng trong chiến lược quản lý, bảo tồn biển. Nhận thức được vai trò này, Vườn quốc gia Côn Đảo đã nỗ lực tìm kiếm đối tác đặt mối quan hệ quốc tế rất sớm ngay từ đầu những năm 1990 của thế kỷ XX. Nhờ vậy, đội ngũ quản lý, khoa học của đơn vị đã tiếp cận được những kiến thức mới mẻ về khoa học bảo tồn biển, tiếp nhận được nguồn kinh phí tài trợ, các phương tiện, thiết bị chuyên dùng cho bảo tồn biển mà ở nước ta rất hiếm lúc bấy giờ. Đã thu hút rất nhiều lượt chuyên gia quốc tế đến Côn Đảo tham gia thực hiện dự án trên các lĩnh vực khoa học quy hoạch, quản lý, bảo

tồn, phát triển bền vững...điều này đã có những ảnh hưởng, tác động tích cực về nhận thức đối với các đối tác có liên quan ở cấp địa phương và quốc gia trong việc hình thành các ý tưởng về chiến lược quy hoạch bảo tồn, phát triển bền vững tại Côn Đảo. Vườn quốc gia Côn Đảo đã tự chủ tổ chức thành công các dự án do quốc tế tài trợ như: Quỹ bảo vệ Thiên nhiên-WWF; Quỹ Môi trường toàn cầu-GEF; Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc-UNDP; Cơ quan phát triển quốc tế Đan Mạch- DANIDA.

Chương trình phát triển du lịch sinh thái

Vườn đã lập và trình duyệt Dự án quy hoạch phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Côn Đảo với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và quốc tế; đây là cơ sở cho việc thực hiện chiến lược bảo tồn và phát triển bền vững, phát huy các giá trị về thiên nhiên, cảnh quan để phát triển kinh tế, xã hội tại Côn Đảo. Hàng năm, Vườn đã tự tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái rừng và biển để đáp ứng nhu cầu của du khách đến Côn Đảo, xúc tiến kêu gọi đầu tư tại Côn Đảo.

Chương trình giáo dục, hỗ trợ cộng đồng

Công tác giáo dục môi trường, nâng cao nhận thức trong cộng đồng cũng được quan tâm đúng mức; hàng năm đơn vị phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện chương trình giáo dục môi trường cho các đối tượng: học sinh các cấp ở địa phương, lực lượng bộ đội, nhân dân ở các khu dân cư, du khách ...với nhiều nội dung và hình thức phong phú nhằm cung cấp cho cộng đồng những hiểu biết, kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường, vai trò ý nghĩa của công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường đối với cuộc sống và phát triển qua đó đã vận động, thu hút quần chúng địa phương, du khách tham gia công tác bảo tồn thiên nhiên tại Côn Đảo.

Vận động cộng đồng tham gia vào công tác bảo tồn biển với hình thức mời đại diện cộng đồng tham gia các buổi hội thảo xây dựng kế hoạch, quy hoạch bảo tồn thiên nhiên; thu hút người dân tham gia thực hiện các dự án về bảo vệ, phát triển rừng và biển do ngân sách, quốc tế tài trợ. Đã thảo luận với người dân xây dựng Quy chế bảo tồn tài nguyên biển, thực hiện cam kết bảo vệ rừng với người dân.

Tranh thủ nguồn tài trợ quốc tế thực hiện phương án chuyển đổi ngành nghề, tạo thu nhập thay thế; cho vay ưu đãi hỗ trợ những hộ nghèo phát triển sản xuất, nuôi trồng từ nguồn vốn của Quỹ bảo tồn do quốc tế tài trợ...

THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN BIỂN TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

Còn thiếu đồng bộ, thống nhất trong chính sách, quy hoạch, đầu tư bảo tồn biển ở các cấp từ trung ương đến địa phương là một thách thức lớn đối với Côn Đảo.

Sự gia tăng lượng du khách trong và ngoài nước đến Côn Đảo kéo theo sự gia tăng về nhu cầu tài nguyên đa dạng sinh học biển

Các hiện tượng bất lợi từ thiên nhiên như: bão, nước biển dâng, El Nino, độ mặn nước biển giảm, rủi ro từ công nghiệp khai thác, vận chuyển dầu khí... là những mối đe dọa đến tài nguyên biển.

Từ khóa: Thành tựu, Thách thức. Bảo tồn biển, Vườn Quốc gia, Côn Đảo.